TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 219/2025/QĐST-HNGĐ	*TP Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 193/2025/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 08 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trần Thị Nguyên H, sinh năm 1980

Địa chỉ: F H, KP A phường B, thành phố Hồ Chí Minh**.**

- Ông Nguyễn Tuấn Anh V, sinh năm 1979

Địa chỉ: 4 N, quận P, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Tuấn Anh V và bà Trần Thị Nguyên H cùng có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H đang cư trú tại F H, KP A phường B, thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 123 ngày 12/09/2003 do Ủy ban nhân dân Phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp thì ông V và bà H là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của ông Nguyễn Tuấn A V và bà Trần Thị Nguyên H thì trong quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, hai bên không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Mặc dù hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng các mâu thuẫn không

hòa giải được, cả hai đã sống ly thân hơn 17 năm. Nay nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn và không thể tiếp tục cuộc sống chung nên cả hai cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn. Xét thấy sự thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và không trái luật nên được công nhận.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Tuấn Anh V và bà Trần Thị Nguyên H có 01 con chung tên:

Nguyễn Đăng K, sinh ngày: 23/2/2004 (Đã trưởng thành)

[5] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Tuấn Anh V và bà Trần Thị Nguyên H khai không có.

[6] Về nợ chung: Ông Nguyễn Tuấn Anh V và bà Trần Thị Nguyên H khai không có.

[7] Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Nguyễn Tuấn Anh V và bà Trần Thị Nguyên H chịu, được cấn trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đ (Ba trăm nghìn) đồng ông V và bà H đã nộp theo biên lai số 0008176 ngày 07/8/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tuấn Anh V và bà Trần Thị Nguyên H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Tuấn Anh V và bà Trần Thị Nguyên H có 01 con chung tên:

Nguyễn Đăng K, sinh ngày: 23/2/2004 (Đã trưởng thành)

- Về tài sản chung : Không có

- Về nợ chung : Không có

2. Về lệ phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Tuấn Anh V và bà Trần Thị Nguyên H chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng, được cấn trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đ (Ba trăm nghìn) đồng ông V và bà H đã nộp theo biên lai số 0008176 ngày 07/8/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

.3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp ;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 – TP HCM ;
- UBND Phường X, thành phố Huế
(Để ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy CNKH số 123 ngày 12/09/2003)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Vân